

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP**

Số 4827/UBND-TCKH-GDDT

Về thu, sử dụng học phí và các
khoản thu khác của cơ sở giáo dục và
đào tạo công lập thuộc quận năm học
2023 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 25 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học,
trung học cơ sở công lập trên địa bàn quận;
- Giám đốc trung tâm GDNN-GDTX quận.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 4687/SGDDT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ

trợ chi phí học tập năm học 2023-2024 của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Nhằm chuẩn bị tốt cho năm học 2023 - 2024, tạo điều kiện cho các trường công lập trên địa bàn thuộc quận quản lý (từ mầm non đến trung học cơ sở, Giáo dục Nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên) chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, công khai đến phụ huynh - học sinh các khoản thu cũng như tiến hành thỏa thuận các khoản thu, chi theo quy định; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập, Ủy ban nhân dân quận có ý kiến chỉ đạo đối với việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024 như sau:

I. Thu học phí:

Tạm thời chưa tổ chức thực hiện chờ hướng dẫn của các cấp cho năm học mới.

II. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (không bao gồm học phí)

1. Nguyên tắc chung

- Các khoản thu năm học 2023-2024: **Thực hiện đúng theo Điều 3 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố** về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024; Công văn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo:

+ *Phòng Giáo dục – Đào tạo đã triển khai, hướng dẫn các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận, căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu của học sinh và kế hoạch hoạt động của từng đơn vị giáo dục, kế hoạch thu, chi của từng khoản thu (không cào bằng các mức thu) để xây dựng Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu, làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế*

+ *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận căn cứ tình hình thực tế và nhu cầu của học sinh thực hiện đúng yêu cầu trên.*

- **Thời gian thu đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trừ các hoạt động được tổ chức trong thời gian hè (có quy định mức thu cụ thể).**

2. Đối với nội dung thu, sử dụng các khoản thu:

a) Nội dung và mức thu:

- Thực hiện theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024.

- Các mức thu quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND là mức thu tối đa. Căn cứ tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh, cơ sở giáo dục tổ chức thống nhất với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết này và không được cao hơn 15% so với năm học 2022-2023.

(phụ lục chi tiết đính kèm)

Lưu ý một số nội dung thu đặc thù so với năm học 2022-2023:

- Đối với khoản thu “*Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/02/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố*”: ngân sách thành phố hỗ trợ hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng bằng 50% mức lương tối thiểu Vùng I do Chính phủ công bố, còn lại chi từ nguồn xã hội hóa (tùy theo điều kiện cụ thể từng đơn vị), thời gian hỗ trợ 9 tháng/năm. Như vậy, tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng thu từ cha mẹ học sinh quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND là số chênh lệch còn lại sau khi trừ đi số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ so với tiền lương trên hợp đồng lao động. Các cơ sở giáo dục căn cứ trên số lượng nhân viên nuôi dưỡng thực tế tại đơn vị để tính toán mức thu cụ thể nhưng không được vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân Thành phố (mục 16.1 và 16.2).

+ Đối với khoản thu “*Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số*”: bao gồm các nội dung như sổ liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, các phần mềm học trực tuyến... Các cơ sở giáo dục căn cứ nhu cầu của phụ huynh, học sinh, điều kiện cơ sở vật chất, năng lực giáo viên và đơn giá cung cấp dịch vụ để tính toán mức thu cụ thể nhưng không được vượt quá mức trần tối đa theo quy định.

+ Đối với khoản thu “*Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”*”: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Sở Giáo dục và Đào tạo có ý kiến đối với mức thu của trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên

tiền, hội nhập quốc tế” theo phân cấp quản lý và không vượt quá mức thu tối đa được quy định.

b) Quản lý và sử dụng các khoản thu, trích lập nguồn Cải cách tiền lương

- Trên cơ sở nội dung và khung mức thu được quy định theo phân cấp, các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của cha mẹ học sinh để xây dựng **Dự toán thu - chi cho từng nội dung thu** làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể phù hợp từng đơn vị năm học 2023-2024.

Đề nghị các đơn vị giáo dục khi xây dựng dự toán cần căn cứ nội dung theo các hướng dẫn chuyên môn của ngành giáo dục về thực hiện các chương trình dạy học 2 buổi/ngày, chương trình ngoại khóa và các nội dung khác theo quy định (*đính kèm chi tiết hướng dẫn theo từng bậc học*), trong đó cần lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

+ Về Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục (không bao gồm học phí): phải xây dựng trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

+ Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Các cơ sở giáo dục công lập thực hiện trích lập tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi của số thu dịch vụ (nếu có), và các khoản thu khác trong năm 2023 để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, 60% còn lại trích lập quỹ phát triển sự nghiệp.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục IV Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố, số chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) phải hoàn trả lại cho người học.

- Không thực hiện thu các khoản thu ngoài danh mục các khoản thu theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

III. Đối với các khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở

giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Tiếp tục thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

IV. Về công tác hạch toán

Thực hiện theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và hướng dẫn tại Công văn 7973/BTC-QLKT ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính về hạch toán thu học phí tại các cơ sở giáo dục đào tạo công lập, cụ thể như sau:

+ Học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục I, mục II, mục III Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Nợ TK 111/112 – Tiền mặt/ tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 531 – Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ (chi tiết từng nội dung)

+ Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại mục IV Phụ lục đính kèm Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

Nợ TK 111/112 – Tiền mặt/ Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 3381 – Phải trả khác (chi tiết từng nội dung)

V. Về chế độ miễn, giảm học phí, khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và hỗ trợ chi phí học tập

- Tiếp tục thực hiện các chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non ban hành cụ thể như sau:

+ Công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

+ Công văn số 1406/SGDĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

+ Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố: Tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn số 25942/HD-SLĐTBXH ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy trình, khảo sát, xét duyệt danh sách, phương thức, thủ tục chi trả và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tiếp nhận danh sách đối tượng học sinh được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND để thông báo đến các cơ sở giáo dục trên địa bàn (bao gồm cả các trường trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục ngoài công lập) hỗ trợ học sinh trong thời gian hoàn tất thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ.

+ Hỗ trợ học phí cho học sinh theo Nghị quyết số 23/2022/NQ- HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ giáo dục đối với trẻ mầm non, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số tại Thành phố Hồ Chí Minh kể từ năm học 2022-2023: Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 2842/SGDĐT-KHTC của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 07 tháng 6 năm 2023 về triển khai quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 5 năm 2023 về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND.

- Lưu ý không thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023 – 2024 đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND.

VI. Về thanh toán không dùng tiền mặt

Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4124/KH-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy

ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025 và Công văn số 1402/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tổ chức triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023.

Theo đó yêu cầu 100% các cơ sở giáo dục tạo điều kiện để cha mẹ học sinh không cần phải đến trường để thanh toán học phí và các khoản thu khác, triển khai việc thu học phí và các khoản thu khác bằng phương thức không dùng tiền mặt với nhiều hình thức, bảo đảm việc tổ chức thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu phải đa dạng hóa các kênh thanh toán để cha mẹ học sinh, người học có nhiều sự lựa chọn, thuận tiện trong thanh toán học phí và các khoản thu khác; tạo mọi điều kiện để cha mẹ, học sinh, sinh viên thuận lợi trong việc thanh toán; không tạo lợi thế cho bất kỳ một ngân hàng hay đơn vị trung gian thanh toán để gây khó khăn cho cha mẹ học sinh, người học trong thanh toán học phí, các khoản thu khác.

Hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục phải thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc kết nối giữa hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục với các đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán/trung gian thanh toán cần phải hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người thực hiện thanh toán, theo hướng có quyền được lựa chọn nhiều đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán, được lựa chọn phương thức thanh toán (như: thanh toán trên thiết bị di động/máy tính, chuyển khoản từ Internet Banking, chuyển khoản qua QR Code, thanh toán từ ví điện tử...). Tăng cường quản lý dữ liệu, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trong đó lưu ý đến việc làm chủ dữ liệu và bảo mật thông tin riêng tư.

Để đảm bảo pháp lý, yêu cầu các đơn vị phải thỏa thuận thống nhất với các cửa ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán đang thực hiện và công khai về mức phí sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để phụ huynh học sinh, người học lựa chọn theo nhu cầu và hướng dẫn cách thức thực hiện trên bảng hướng dẫn của nhà trường, phiếu thông báo các khoản thu hàng tháng... Đồng thời, cung cấp đầy đủ thông tin các ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán đang tham gia triển khai tốt dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để cha mẹ học sinh an tâm khi sử dụng.

VII. Về công khai các khoản thu

Các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư

36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Tất cả các khoản thu phải được các đơn vị thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh, sinh viên; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh, sinh viên, không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các cơ sở giáo dục:

- Thực hiện thu học phí, các khoản thu khác ngoài học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Xây dựng Dự toán thu - chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục cho từng nội dung thu (không cào bằng các mức thu), làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế năm học 2023-2024; báo cáo Dự toán thu - chi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh.

- Các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi thực hiện và khi thu phải cấp hóa đơn, biên lai thu tiền cho từng học sinh; thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Hiệu trưởng các trường trên địa bàn nghiêm túc triển khai thực hiện các khoản thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024 theo đúng nội dung trên; nghiêm cấm việc thu, vận động các khoản trái quy định. Kết thúc mỗi học kỳ, các trường báo cáo tình hình thực hiện các khoản thu cho phòng Giáo dục và Đào tạo, phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Nghiêm cấm việc lợi dụng danh nghĩa Ban đại diện cha mẹ học sinh để thu các khoản thu ngoài quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh chỉ được thu các khoản phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; **không thu các khoản**: Bảo vệ cơ sở vật chất nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường, trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà

trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn các trường tổ chức lấy ý kiến thống nhất của cha mẹ học sinh để tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thu chi đầu năm học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý, kịp thời chấn chỉnh tình trạng thu các khoản thu không đúng quy định. Và có trách nhiệm giải trình với xã hội về hoạt động của các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý, trong đó có nội dung quản lý các khoản thu trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Triển khai, quán triệt và chỉ đạo các đơn vị trường học trên địa bàn quận thực hiện nghiêm túc các văn bản về thu chi đầu năm học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, phối hợp cùng phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức kiểm tra việc thực hiện. Định kỳ (từng học kỳ), tổng hợp tình hình thực hiện các khoản thu chi báo cáo Ủy ban nhân dân quận. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận chấn chỉnh, xử lý kịp thời những trường hợp thực hiện thu, chi không đúng quy định. *T/SM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Quận ủy (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND quận (để báo cáo);
- UB MTTQVN quận (để giám sát);
- Lưu: VT, P.TCKH, P.GDDT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trí Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục
của cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn quận Gò Vấp
(Đính kèm Công văn số 4827/UBND-TCKH-GDDT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

I. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa NH 2023-2024 THPT	Mức thu NH 2022-2023
1	Tiền tổ chức dạy bổ sung kiến thức tại các cơ sở giáo dục thường xuyên	đồng/học sinh/tiết	9.000	NH 2022-2023: 8.000 đ (tăng tiết) tăng 12,5%

II. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa NH 2023-2024	Mức thu NH 2022-2023
2	Tiền mua sắm đồ dùng phục học sinh	đồng/học sinh/bộ	410.000	
3	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	12.000	Nước uống tinh khiết tại vòi
4	Tiền trông giữ xe học sinh	đồng/xe/lượt	2.000	
5	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (phần mềm Mega Test và Mega School)	đồng/học sinh/năm học	160.000	



Quy định các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quận Gò Vấp

Đính kèm Công văn số **4827**/UBND-TCKH-GDDT ngày **25** tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

I. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa NH 2023-2024			Mức thu NH 2022-2023
			Mầm non	Tiểu học	THCS	
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày		Không thu	Không thu	172.000	THCS: 150.000 đ; tăng 14,6%
2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ TiH: 2 tiết/tuần THCS: 3 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	Không thu	69.000	69.000	TiH, THCS: 60.000 đ; tăng 15%
3	Tiền tổ chức dạy tin học					
3.1	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn	đồng/học sinh/tháng		50.000 Khối 1,2,5		
3.2	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Tin học	đồng/học sinh/tháng		Không thu	Không thu	
4	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa					
4.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ TiH, THCS: 1 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng/môn	57.000	70.000-120.000	70.000-100.000	MN: 50.000 đ; tăng 14%; TiH, THCS: mới
4.2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống TiH, THCS: 1 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	120.000	80.000	80.000	
4.3	Tiền tổ chức Giáo dục Stem	đồng/học sinh/tháng	Không thu	90.000	180.000	
4.4	Tiền tổ chức học bơi TiH, THCS: 3 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	Không thu	125.000	140.000	
4.5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài MN: 1 tiết/tuần TiH, THCS: 1-2 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	120.000-480.000	103.000-207.000	103.000-207.000	TiH, THCS: 4 tiết/tháng: 90.000đ, 8 tiết/tháng: 180.000; tăng 15%
4.6	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/học sinh/tháng	250.000	250.000	250.000	
4.7	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học TiH: 2 tiết/tuần THCS: 4 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	Không thu	550.000	800.000	TiH: 550.000 đ; THCS: 800.000đ không tăng



5	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè					
5.1	Giữ trẻ 6 - 18 tháng	đồng/học sinh/tháng	897.000			CV 2639/UBND-TCKH-GDĐT ngày 21/6/2023: 780.000đ: tăng 15%
5.2	Giữ trẻ trên 18 tháng					
5.2.1	Nhà trẻ	đồng/học sinh/tháng	690.000			600.000 đ: tăng 15%
5.2.2	Mẫu giáo	đồng/học sinh/tháng	632.000			550.000 đ: tăng 14,9%

II. Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện các Đề án.

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa NH 2023-2024			Mức thu NH 2022-2023
			Mầm non	Tiểu học	THCS	
6	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” TiH, THCS: 8 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	Không thu	3.600.000	3.600.000	3.600.000 đ: không tăng
7	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2023” TiH, THCS: 2 tiết/tuần	đồng/học sinh/tháng	Không thu	150.000	180.000	
8	Tiền tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”	đồng/học sinh/tháng	1.725.000	1.725.000	1.725.000	1.500.000 đ: tăng 15%
11	Tiền thực hiện chương trình kích cầu đầu tư	đồng/học sinh/tháng	Không có	Không có	Không có	

III. Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa NH 2023-2024			Mức thu NH 2022-2023
			Mầm non	Tiểu học	THCS	
9	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú đối với trường tự tổ chức nấu ăn cho HS	đồng/học sinh/tháng				
9.1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú đối với trường tự tổ chức nấu ăn cho HS	đồng/học sinh/tháng	230.000	172.000	172.000	MN: 200.000 đ: tăng 15%, TiH, THCS: 150.000 đ: tăng 14,6%
9.2	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú đối với trường hợp đồng suất ăn công nghiệp	đồng/học sinh/tháng	Không có	115.000	115.000	MN, TiH, THCS: 100.000 đ: tăng 15%
9.3	Tiền vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	28.000	23.000	23.000	MN: 25.000 đ: tăng 12%, TiH, THCS: 20.000 đ: tăng 15%
10	Tiền phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	115.000	60.000	Không thu	MN: 100.000 đ: tăng 15%, TiH: 60.000 đ: không tăng
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	172.000	172.000	172.000	MN, TiH, THCS: 150.000 đ: tăng 14,6%
12	Tiền giữ trẻ mầm non ngoài giờ	đồng/học sinh/giờ	12.000			

13	Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/017 NQ-HĐND và NQ04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021				
14.1	Nhà trẻ	đồng/học sinh/tháng	260.000		Không quá 40.000 đ: đặc thù theo NQ04/2021
14.2	Mẫu giáo	đồng/học sinh/tháng	160.000		Không quá 40.000 đ: đặc thù theo NQ04/2021

IV. Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh

STT	Nội dung thu		Mức thu tối đa NH 2023-2024			Mức thu NH 2022-2023
			Mầm non	Tiểu học	THCS	
15	Tiền mua sắm đồ phục học sinh	đồng/học sinh/bộ	200.000	300.000	400.000	
16	Tiền học phẩm-học cụ-học liệu					
16.1	Tiền học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	50.000	50.000	
16.2	Tiền học cụ- học liệu	đồng/học sinh/năm	230.000	250.000	Không thu	MN: 200.000: tăng 15%
17	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	Không quá 34.000	Không quá 34.000	MN: 35.000: không tăng, TH, THCS: 30.000: tăng 13,3%
18	Tiền ăn sáng cho học sinh	đồng/học sinh/ngày	17.000	13.500	Không thu	MN: 15.000: tăng 13,3%, TH: 12.000: tăng 12,5%
19	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	13.800	13.800	13.800	Không quá 12.000: tăng 15%-chỉ HS bán trú
20	Tiền khám sức khỏe HS ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	70.000	60.000	50.000	
21	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/học sinh/tháng	50.000	45.000	35.000	Áp dụng đối với các trường có trang bị máy lạnh do tài trợ, tặng...
22	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Sổ liên lạc điện tử, ứng dụng quản lý, điều hành thông tin giữa gia đình và nhà trường, các ứng dụng dạy học, ôn tập trực tuyến	đồng/học sinh/tháng	50.000-110.000	50.000-110.000	50.000-110.000	
23	Tiền trông giữ xe học sinh	đồng/xe/lượt	Không thu	2.000	2.000	
24	Tiền tổ chức xe đưa rước học sinh					
24.1	Tuyến đường dưới 5km	đồng/học sinh/km	10.000	10.000	10.000	
24.2	Tuyến đường từ 5km trở lên	đồng/học sinh/km	8.000	8.000	8.000	